

II.2	Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ, mua bản quyền, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2	2
II.3	Hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các công nghệ mới, tiên tiến và triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2	2
II.4	Hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2	2
II.5	Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.	Đơn vị	2	2	2	2	2	2	2	2
II.6	Hỗ trợ Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn	Đơn vị	1	1	1	1	1	1	1	1

Phụ lục 2**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP VỀ LĨNH VỰC CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2030***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngàytháng ...năm ... của Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh Đồng Nai)**Đơn vị tính: Ngàn đồng.*

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí								Ghi chú
		2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
I	Xây dựng, triển khai lộ trình nâng cao năng lực công nghệ của tỉnh	500.000	500.000	700.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	
I.1	Hỗ trợ xây dựng và thực hiện lộ trình đổi mới công nghệ cho các tổ chức, doanh nghiệp	200.000 (2)	200.000 (2)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	400.000 (4)	Khoản 1, Điều 11; Điểm b, Khoản 2, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ
I.2	Tổ chức đào tạo và hỗ trợ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ, cập nhật công nghệ cho doanh nghiệp mới; tạo điều kiện, hỗ trợ thực hiện các hình thức đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ và trực tuyến cho các kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp.	300.000 (3)	300.000 (3)	300.000 (3)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	Điểm a, Khoản 1, Điều 14 và Khoản 1, Điều 25 Chương IV của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

II	Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến trong việc sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường	5.200.000	5.200.000	5.200.000	5.200.000	5.200.000	5.200.000	5.200.000	5.200.000	
II.1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện các nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ các công nghệ tiên tiến, sản xuất thử nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao tính năng, chất lượng sản phẩm, đổi mới thiết bị, dây chuyền, quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường (bao gồm cả chi phí mua thiết bị, máy móc; chi phí chuyển giao kỹ thuật (nếu có); chi phí thuê	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	2.000.000 (2)	<p>- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh;</p> <p>- Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)</p>

	chuyên gia (nếu có); chi phí đào tạo, tập huấn, ...).									
II.2	Hỗ trợ chi phí chuyên gia công nghệ, mua bản quyền, mua thiết kế, mua phần mềm, thuê chuyên gia nước ngoài, đào tạo nguồn nhân lực.	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	- Khoản 4, Điều 11 Chương III của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa).
II.3	Hỗ trợ kinh phí tạo điều kiện, hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động hợp tác giữa doanh nghiệp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ để tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng, làm chủ, giải mã các	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	100.000 (2)	Điểm b, c, Khoản 5, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.

	công nghệ mới, tiên tiến và triển khai các dự án đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển hạ tầng phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ									
II.4	Hỗ trợ kinh phí triển khai ứng dụng các công nghệ tiên tiến, các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp theo hướng sản xuất thông minh trong sản xuất tạo ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị và có tính cạnh tranh cao trên thị trường	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	200.000 (2)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2, Điều 25 của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa).

II.5	<p>Hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp nhận, chuyển giao, nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; hỗ trợ đào tạo, thuê chuyên gia thiết kế, sản xuất sản phẩm mới và thay đổi quy trình công nghệ để tạo ra các sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.</p>	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	1.000.000 (2)	<p>- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh;</p> <p>- Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND</p>
	<p>sản phẩm có sức tiêu thụ lớn, chiếm lĩnh thị trường trong nước.</p>									<p>tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/ NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/ NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)</p>
II.6	<p>Hỗ trợ Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, công nghệ sau thu hoạch và chế biến sản phẩm nông nghiệp; cải tạo giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng</p>	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	<p>- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh;</p> <p>- Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/ NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2,</p>

	cao công nghệ tạo giống, kỹ thuật canh tác, nuôi trồng và kiểm soát dịch bệnh ở quy mô lớn tại các vùng nông thôn, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn									Điều 6 của NQ số 03/2020/NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
II.7	Hỗ trợ đổi mới công nghệ phát triển các ngành nghề, làng nghề truyền thống	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	500.000 (1)	- Khoản 2, Điều IV, Phần II Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh; - Tham khảo nội dung Nghị quyết các địa phương: Điểm c, Khoản 1, Điều 3 của Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước; Điểm b, Khoản 1, Điều 2 của NQ số 06/2021/NQ-HĐND tỉnh Quảng Bình; Khoản 2, Điều 6 của NQ số 03/2020/NQ-HĐND tỉnh Nghệ An; Khoản 1, Điều 1 của NQ số 20/2021/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa)
II.8	Hỗ trợ kinh phí triển khai kết nối cung cầu	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	500.000 (10)	Điểm đ, Khoản 3, Điều 25, Chương IV của Nghị định số

	công nghệ trong các hoạt động như chuyển giao công nghệ, kết nối dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật trong triển khai ứng dụng công nghệ, kết nối với thị trường (bao gồm: chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển, đi lại, ăn ở, ...)									80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ
II.9	Hỗ trợ kinh phí thực hiện quảng bá sản phẩm tạo thành từ ứng dụng công nghệ, tìm kiếm, kết nối với các đối tác trong và ngoài nước, nâng cao năng lực phổ biến và nhân rộng mô hình ứng dụng thành công	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	200.000 (10)	Điểm g, Khoản 3, Điều 25, Chương IV của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ
	TỔNG	5.700.000	5.700.000	5.900.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000	5.800.000	
		17.300.000 (Từ năm 2023 - 2025)			29.000.000 (Từ năm 2026 - 2030)					
	TỔNG (Từ năm 2023 - 2030)	46.300.000 (Bốn mươi sáu tỷ ba trăm triệu đồng)								